

BỘ TÀI CHÍNH

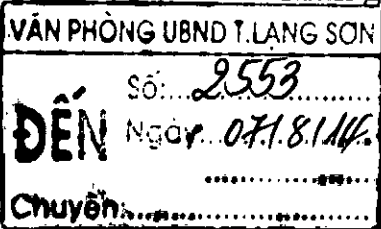
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **10752** /BTC-TCT

V/v lấy ý kiến dự thảo Thông
về thuế tài nguyên.

Hà Nội, ngày **04** tháng **8** năm **2014**

Kính gửi:



- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Tập đoàn Than và Khoáng sản Việt Nam; Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Thực hiện chương trình xây dựng pháp luật năm 2014 và các kiến nghị của cơ quan, ban ngành, các địa phương, đơn vị, Bộ Tài chính dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 105/2010/TT-BTC ngày 23/7/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành về thuế tài nguyên và tổ chức lấy ý kiến các Bộ, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Dự thảo Thông tư được kế thừa các quy định trước đây và nghiên cứu chỉnh lý, hoàn thiện một số nội dung để đáp ứng yêu cầu tăng cường quản lý thuế tài nguyên, khắc phục những hạn chế trong quá trình tổ chức thực hiện.

Theo quy định của Luật Thuế tài nguyên có hiệu lực 1/7/2010, thì giá tính thuế tài nguyên là giá bán ra, không bao gồm thuế GTGT và không được trừ chi phí ở khâu chế biến, chi phí vận chuyển đi tiêu thụ. Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 105/2010/TT-BTC ngày 23/7/2010 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên và hướng dẫn thi hành Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Thuế tài nguyên.

Trong quá trình triển khai thực hiện đã phát sinh các vướng mắc, kiến nghị. Để giải quyết thoả đáng các yêu cầu đặt ra, cần phải được nghiên cứu khi sửa Luật Thuế tài nguyên. Trong phạm vi thẩm quyền của Bộ Tài chính, dự thảo Thông tư trên cơ sở rà soát lại các thủ tục, các nội dung cần hướng dẫn cụ thể thêm cách thực hiện và cơ chế phối hợp, tổ chức thực hiện. Đảm bảo quản lý thuế hiệu quả hơn, tháo gỡ một phần các vướng mắc của Thông tư số 105/2010/TT-BTC; Qua tổng hợp Báo cáo Tổng kết, đánh giá về thực hiện về thuế tài nguyên, các vướng mắc như sau:

- Về đối tượng chịu thuế: Cách phân biệt tài nguyên khai thác, với tài nguyên đã qua chế biến thành sản phẩm khác; về đối tượng chịu thuế như: Nước biển, yếm sào thu được từ nhà tự xây cho yếm đến làm tổ để nuôi, chăm sóc...; về sản lượng tài nguyên khai thác; về giá tính thuế tài nguyên; về chuyển giá giữa các hoạt động để tránh thuế tài nguyên; giá tính thuế đối với tài nguyên xuất khẩu.

- Về đối tượng nộp thuế: Hiện nay có một số trường hợp người được cấp Giấy phép khai thác, sau đó giao lại cho các đối tượng khác khai thác, nên cần phải quy

định rõ đối tượng được cấp Giấy phép khai thác là người nộp thuế tài nguyên trên toàn bộ sản lượng tài nguyên khai thác cho thống nhất với Luật Khoáng sản.

- Về tài nguyên qua chế biến: Vấn đề nổi lên là tài nguyên đã qua chế biến đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu giá trị tăng cao và phải nộp thuế tài nguyên nhiều. Nên cần cơ chế chính sách về thuế tài nguyên cho đồng bộ với chính sách khuyến khích chế biến tài nguyên trong nước. Theo hướng nếu tài nguyên xác định là chế biến thành sản phẩm khác, thì phải áp dụng giá tính thuế theo giá bán tài nguyên khâu khai thác (hoặc áp dụng giá UBND cấp tỉnh, nếu không bán tài nguyên khai thác).

Vấn đề cần thiết là Thông tư cần quy định căn cứ phân biệt sản phẩm đã qua chế biến vẫn ở dạng tài nguyên, hoặc đã thành sản phẩm khác, để xác định sản lượng và giá tính thuế tài nguyên đối với tài nguyên khai thác và sản phẩm khác chế biến từ tài nguyên khai thác.

- Về giá tính thuế tài nguyên theo kiến nghị về của Thanh tra Chính phủ kiến nghị của Thanh tra Bộ Tài chính về cần tăng cường phối hợp, quản lý thuế đối với hoạt động khai thác quặng titan về: sản lượng, khối lượng titan thực tế khai thác, quy trình khai thác, sàng tuyển, chế biến quặng titan và giá tính thuế tài nguyên đối với quặng titan và quy trình xây dựng giá tính thuế tài nguyên của UBND cấp tỉnh.

Trên cơ sở các ý kiến, Bộ Tài chính nghiên cứu, phân tích các vướng mắc khi tổ chức thực hiện Luật Thuế tài nguyên, Nghị định, Thông tư hướng dẫn thực hiện. Căn cứ thẩm quyền của Bộ Tài chính đề dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 105/2010/TT-BTC trình Bộ tháo gỡ một số các vướng mắc.

(Trong nội dung dự thảo, chữ in nghiêng là dự kiến sửa đổi, bổ sung, gạch ngang là dự kiến bỏ)

Đề nghị quý cơ quan nghiên cứu, có ý kiến đóng góp vào bản dự thảo Thông tư.

Ý kiến tham gia xin được gửi về Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) trước ngày 4/8/2014 để tổng hợp hoàn thiện dự thảo Thông tư.

Cảm ơn sự hợp tác của quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ PC- BTC;
- Vụ PC-TCT;
- Lưu: VT, TCT (VT, CS).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Hoàng Anh Tuấn

4249

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2014/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2014

DỰ THẢO 31-7

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số Điều Thông tư số 105/2010/TT-BTC ngày 23/7/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành về thuế tài nguyên

Căn cứ Luật thuế tài nguyên số 45/2009/QH12 ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý Thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 105/2010/TT-BTC ngày 23/7/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên và hướng dẫn thi hành Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Thuế tài nguyên (sau đây được gọi là Thông tư số 105/2010/TT-BTC) như sau:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 105/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 8 và khoản 9, Điều 2 như sau:

“8. Nước thiên nhiên, bao gồm nước mặt (nước sông, hồ, đập, đầm, phá), nước biển và nước dưới đất;

9. Yển sào thiên nhiên; trừ yển sào do tổ chức, cá nhân thu được từ hoạt động đầu tư xây dựng nhà, làm nơi cư trú, thu hút chim yển tự nhiên về để chăn nuôi, trồng giữ, bảo quản;”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, Điều 3 như sau:

“1. Người nộp thuế tài nguyên *theo quy định tại Điều 3 Luật Thuế tài nguyên* là tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên thuộc đối tượng chịu thuế tài nguyên theo quy định tại Điều 2 Thông tư này bao gồm: Công ty Nhà nước, Công ty cổ phần, Công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, Hợp tác xã, Doanh nghiệp tư nhân, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hay Bên nước ngoài tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh, các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân khác, không phân biệt ngành nghề, quy mô, hình thức hoạt động, có khai thác tài nguyên thiên nhiên theo quy định của pháp luật Việt Nam là ~~đối tượng nộp thuế tài nguyên theo quy định tại Điều 3 Luật Thuế tài nguyên.~~

Tổ chức, cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép khai thác tài nguyên, thực hiện khai thác tài nguyên thông qua hình thức thuê hoặc hợp tác với tổ chức, cá nhân khác khai thác tài nguyên thì tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác phải kê khai, nộp thuế tài nguyên trên toàn bộ sản lượng tài nguyên khai thác từ mỏ theo giấy phép khai thác đã cấp.

Riêng đối với Tập đoàn, Tổng công ty đã được Chính phủ cấp phép khai thác khoáng sản và phân cấp cho các đơn vị trực thuộc Tập đoàn, Tổng công ty tổ chức khai thác và tiêu thụ tài nguyên thì mỗi đơn vị thực hiện khai, nộp thuế tài nguyên cho sản lượng tài nguyên khai thác phát sinh tại đơn vị mình theo giá tính thuế tài nguyên do UBND cấp tỉnh quy định.”

3. Sửa đổi, bổ sung điểm 2.3, khoản 2, Điều 3 như sau:

“2.3. Tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên nhỏ, lẻ bán cho tổ chức, cá nhân làm đầu mối thu mua và tổ chức, cá nhân làm đầu mối thu mua cam kết chấp thuận bằng văn bản về việc kê khai nộp thay thuế tài nguyên cho tổ chức, cá nhân khai thác thì tổ chức, cá nhân làm đầu mối thu mua là người nộp thuế.

Tổ chức, cá nhân đầu mối thu mua phải lập bảng kê tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên nhỏ, lẻ do đơn vị mình khai, nộp thay thuế tài nguyên và gửi cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý thu thuế tài nguyên cùng với hồ sơ khai thuế nộp thay của tháng đầu tiên phát sinh hoạt động thu mua gom tài nguyên để theo dõi quản lý thuế các kỳ tiếp theo; Khi có thay đổi tổ chức, cá nhân nộp thay thuế tài nguyên thì lập khai bổ sung kèm theo hồ sơ khai thuế tài nguyên của tháng có thay đổi; Khi chấm dứt việc uỷ thác nộp thuế thay thì hai bên phải lập văn bản chấm dứt việc nộp thuế thay và bên nộp thuế thay gửi cho cơ quan thuế trong tháng kết thúc việc nộp thuế thay.

Đối với tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên nhỏ, lẻ như: đất, đá, cát, sỏi ... không cam kết để tổ chức, cá nhân là đầu mối thu mua kê khai nộp thay thuế tài nguyên thì cơ quan thuế tổ chức kiểm tra tổ chức, cá nhân làm đầu mối thu mua; căn

cứ hợp đồng mua bán tài nguyên, hoá đơn, chứng từ, bảng kê thu mua tài nguyên để xác định tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên nhỏ lẻ, đối chiếu việc khai, nộp thuế tài nguyên đối với sản lượng khai thác để ngăn ngừa, phát hiện gian lận trốn thuế tài nguyên.

Trường hợp cơ sở khai thác tài nguyên như: đất, đá, cát, sỏi... sản lượng lớn, nhưng không thực hiện đăng ký nộp thuế theo kê khai, chế độ sổ sách kế toán, hoá đơn chứng từ theo quy định thì cơ quan thuế tiến hành kiểm tra, đối chiếu, xác định sản lượng tài nguyên thực tế khai thác để thu thuế và xử lý vi phạm theo quy định.”

4. Sửa đổi, bổ sung điểm 2.6, Khoản 2, Điều 3 được như sau:

“2.6. Tổ chức, cá nhân sử dụng nước từ công trình thuỷ lợi được đầu tư bằng nguồn vốn không thuộc ngân sách nhà nước hoặc có một phần vốn ngân sách nhà nước để phát điện là đơn vị phải nộp thuế tài nguyên và tiền sử dụng nước theo quy định (không phân biệt nguồn vốn đầu tư công trình thuỷ lợi).”

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, Điều 5 như sau:

“1. Đối với tài nguyên khai thác xác định được số lượng, trọng lượng hoặc khối lượng thì sản lượng tài nguyên tính thuế là số lượng, trọng lượng hoặc khối lượng của tài nguyên thực tế khai thác trong kỳ tính thuế (kỳ khai nộp thuế theo tháng và quyết toán thuế tài nguyên khi kết thúc năm theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành).

Đối với loại tài nguyên khai thác thu được sản phẩm tài nguyên có nhiều cấp độ, chất lượng, giá trị thương mại khác nhau thì sản lượng tính thuế được phân loại theo sản lượng tài nguyên có cùng cấp độ, chất lượng, giá trị thương mại như nhau hoặc quy đổi ra đơn vị sản lượng tài nguyên để làm căn cứ xác định sản lượng tính thuế cho toàn bộ sản lượng tài nguyên khai thác.

Ví dụ 1: Đơn vị khai thác đá sau nổ mìn, khai thác thu được đá khối, đá hộc, đá dăm các ly khác nhau thì được phân loại theo từng cấp độ, chất lượng từng loại đá thu được để xác định sản lượng đá tính thuế của mỗi loại. Trường hợp, sau khai thác bán một phần sản lượng đá khối, đá hộc, đá dăm còn lại được đưa vào nghiền để sản xuất đá làm vật liệu xây dựng các công trình, sản xuất xi măng thì phải quy đổi sản lượng đá khối, đá hộc, đá dăm ra đã qua xay, nghiền để xác định sản lượng đá hộc thực tế khai thác chịu thuế tài nguyên.”

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, Điều 5 như sau:

“3. Đối với tài nguyên khai thác không bán ra mà đưa vào sản xuất sản phẩm khác, nếu không trực tiếp xác định được số lượng, trọng lượng hoặc khối lượng thực tế khai thác, thì sản lượng tài nguyên tính thuế được xác định căn cứ vào sản lượng

sản phẩm sản xuất trong kỳ tính thuế và định mức sử dụng tài nguyên tính trên một đơn vị sản phẩm.

Định mức sử dụng tài nguyên phải tương ứng với tiêu chuẩn công nghệ sản xuất, chế biến sản phẩm đang ứng dụng và được người nộp thuế đăng ký với cơ quan thuế vào kỳ khai thuế đầu tiên. Trường hợp mức tiêu hao tài nguyên để sản xuất một đơn vị sản phẩm cao hơn 5%, so với tiêu chuẩn công nghệ thiết kế, thì cơ quan thuế phối hợp với các cơ quan liên quan để thẩm định làm cơ sở ấn định sản lượng tài nguyên khai thác chịu thuế.

Tài nguyên đã tạo thành sản phẩm khác là tài nguyên sau khi khai thác, được đưa vào quy trình sản xuất, chế biến tạo ra sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn, chất lượng, khoáng sản xuất khẩu theo quy định tại danh mục sản phẩm và tiêu chuẩn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành quy định chi tiết thi hành Luật Khoáng sản (Như: Danh mục, tiêu chuẩn, chất lượng, khoáng sản xuất khẩu Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2012/TT-BCT ngày 24/12/2012 của Bộ Công Thương; Thông tư số: 04/2012/TT-BXD ngày 20/9/2012 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xuất khẩu khoáng sản làm vật liệu xây dựng...).

Đối với loại sản phẩm sản xuất, chế biến từ tài nguyên không thuộc danh mục, tiêu chuẩn do cơ quan nhà nước nêu trên, thì căn cứ luận chứng kinh tế kỹ thuật được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt để xác định sản phẩm được sản xuất, chế biến theo quy trình sản xuất, công nghệ, sản phẩm tạo ra có mục đích sử dụng riêng, so với mục đích sử dụng của tài nguyên khai thác được xác định tài nguyên đã sản xuất, chế biến thành sản phẩm khác.”

Ví dụ 4: Để sản xuất ra 1.000 viên gạch mộc (chưa nung) thì phải sử dụng 1 m³ đất sét. Trong tháng, cơ sở khai thác đất sét sản xuất được 100.000 viên gạch thì sản lượng đất sét khai thác chịu thuế tài nguyên là 100.000 viên chia (:) 1.000 viên = 100 m³.

7. Bổ sung khoản 8 vào sau Khoản 7, Điều 5 như sau:

“8. Để tăng cường quản lý sản lượng tài nguyên khai thác, Cục Thuế báo cáo UBND cấp tỉnh ban hành cơ chế phối hợp cơ quan tài nguyên và môi trường với cơ quan thuế về trao đổi thông tin, dữ liệu, số liệu về khai thác khoáng sản tại địa phương của năm; số liệu sản lượng tài nguyên khai thác qua kiểm tra, thanh tra của cơ quan chức năng quản lý nhà nước về tài nguyên; cùng phối hợp xác định tính đầy đủ, đúng đắn, tin cậy của số liệu sản lượng tài nguyên do tổ chức, cá nhân được cấp phép khai thác khoáng sản kê khai.

Cơ quan thuế căn cứ số liệu thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản trong khu vực được phép khai thác, sản lượng khoáng sản đã khai thác (có ý kiến xác nhận của cơ quan tài nguyên và môi trường), số liệu về sản lượng tài nguyên khai thác qua kiểm tra, thanh tra do cơ quan chức năng xác định, để đối chiếu với sản lượng tài

nguyên khai thác do tổ chức, cá nhân đã kê khai nộp thuế tài nguyên trong năm để quản lý thuế tài nguyên.

Trường hợp có chênh lệch về sản lượng tài nguyên khai thác do tổ chức, cá nhân đã kê khai thuế, so với sản lượng do cơ quan tài nguyên và môi trường cung cấp, cơ quan thuế áp dụng các biện pháp kiểm tra, thanh tra phù hợp theo quy định của Luật Quản lý Thuế hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền, phối hợp xác định sản lượng tài nguyên khai thác để tính và thu đủ thuế tài nguyên theo quy định."

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3 và khoản 4 Điều 6 như sau:

"Điều 6. Giá tính thuế tài nguyên.

Giá tính thuế tài nguyên là giá bán đơn vị sản phẩm tài nguyên của tổ chức, cá nhân khai thác chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 50/2010/NĐ-CP và phải được thể hiện trên chứng từ bán hàng, nhưng không được thấp hơn giá tính thuế tài nguyên do UBND cấp tỉnh quy định; Trường hợp giá bán tài nguyên khai thác thấp hơn giá tính thuế tài nguyên do UBND cấp tỉnh thì tính thuế tài nguyên theo giá do UBND cấp tỉnh quy định. ~~Giá tính thuế tài nguyên~~ và được xác định đối với từng trường hợp như sau:

1. Trường hợp xác định được giá bán đơn vị sản phẩm tài nguyên.

1.1. Giá tính thuế tài nguyên là giá bán đơn vị sản phẩm tài nguyên khai thác chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (không phân biệt địa bàn tiêu thụ) và được áp dụng làm giá tính thuế cho toàn bộ sản lượng tài nguyên khai thác trong tháng có cùng phẩm cấp, chất lượng, không phân biệt một phần vận chuyển đi nơi khác tiêu thụ hoặc đưa vào sản xuất, chế biến, sàng tuyển, phân loại.

Đối với tài nguyên khai thác được vận chuyển đi tiêu thụ, được các bên thoả thuận theo hợp đồng thuê vận chuyển và chi phí vận chuyển được ghi nhận riêng trên hóa đơn thì giá tính thuế tài nguyên không bao gồm chi phí vận chuyển; Trường hợp phát hiện có hành vi gian lận giữa chi phí vận chuyển và giá tính thuế tài nguyên để trốn thuế tài nguyên, thì cơ quan thuế tiến hành kiểm tra, thanh tra xử lý theo thẩm quyền.

Giá bán của một đơn vị tài nguyên khai thác được tính bằng tổng doanh thu (chưa có thuế GTGT) của loại tài nguyên bán ra chia cho tổng sản lượng loại tài nguyên tương ứng bán ra trong tháng, *nhưng không được thấp hơn giá tính thuế tài nguyên do UBND cấp tỉnh quy định.*

Trường hợp Tập đoàn, Tổng công ty tổ chức khai thác tài nguyên phân cấp cho ~~tổ chức, cá nhân~~ đơn vị trực thuộc khai thác tài nguyên cho Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty để tập trung một đầu mối tiêu thụ theo ~~hợp đồng~~ văn bản thoả thuận giữa các

bên thì áp dụng giá tính thuế đơn vị tài nguyên do UBND cấp tỉnh tại địa phương khai thác tài nguyên quy định theo khoản 4, Điều 6 Thông tư này.

1.2. Trường hợp trong tháng có phát sinh sản lượng tài nguyên khai thác, nhưng không phát sinh doanh thu bán tài nguyên thì giá tính thuế đơn vị tài nguyên khai thác được xác định theo giá tính thuế đơn vị tài nguyên khai thác bình quân gia quyền của tháng trước liền kề (*hoặc của tháng trước gần nhất có doanh thu bán tài nguyên*) nhưng nếu giá tính thuế bình quân gia quyền của tháng trước này thấp hơn giá tính thuế tài nguyên do UBND cấp tỉnh quy định tại khoản 4, Điều 6 Thông tư này thì tính thuế tài nguyên theo giá UBND cấp tỉnh quy định.”

“3. Giá tính thuế tài nguyên trong một số trường hợp được quy định cụ thể như sau:

3.1. Giá tính thuế tài nguyên đối với nước thiên nhiên dùng sản xuất thủy điện là giá bán điện thương phẩm bình quân;

Giá bán điện thương phẩm bình quân để tính thuế tài nguyên đối với các cơ sở sản xuất thủy điện do Bộ Tài chính công bố.

3.2. Đối với gỗ là giá bán tại bãi giao (kho, bãi nơi khai thác); trường hợp chưa xác định được giá bán tại bãi giao thì giá tính thuế được xác định căn cứ vào giá tính thuế do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định theo hướng dẫn tại khoản 4, Điều này.

Trường hợp gỗ khai thác theo mùa vụ và để tại rừng (bãi gom), thì thời điểm xác định giá tính thuế và khai thuế tài nguyên là khi gỗ được tập kết tại bãi giao (theo quy định thiết kế quản lý và khai thác gỗ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

3.3. Đối với tài nguyên khai thác không tiêu thụ trong nước mà xuất khẩu là giá xuất khẩu đơn vị sản phẩm tài nguyên (theo giá FOB, DAF) *không bao gồm phí bảo hiểm và phí vận tải quốc tế*; trường hợp tài nguyên khai thác vừa tiêu thụ nội địa và xuất khẩu thì đối với phần tiêu thụ nội địa là giá bán đơn vị sản phẩm tài nguyên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, đối với phần xuất khẩu là giá xuất khẩu.

Tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên phải kê riêng sản lượng tài nguyên tiêu thụ nội địa, sản lượng tài nguyên xuất khẩu để khai thuế tài nguyên phải nộp trong tháng, khai quyết toán thuế tài nguyên theo quy định.

Đối với tài nguyên khai thác đưa vào quy trình sản xuất chế biến, sau đó mới xuất khẩu; nếu tài nguyên đã qua chế biến được xác định đã thành sản phẩm khác, thì áp dụng giá tính thuế tài nguyên do UBND cấp tỉnh quy định đối với tài nguyên khai thác tiêu thụ nội địa.

Căn cứ xác định tài nguyên qua sản xuất, chế biến đã tạo thành sản phẩm khác căn cứ nội dung hướng dẫn tại khoản 3, Điều 1 Thông tư này.

3.4. Đối với dầu thô, khí thiên nhiên là giá bán được xác định theo hướng dẫn ~~tại Điều 14 Thông tư này riêng của Bộ Tài chính.~~

3.5. Đối với nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên, nước thiên nhiên dùng vào sản xuất sản phẩm, kinh doanh dịch vụ, mà không có giá bán ra thì giá tính thuế tài nguyên do UBND cấp tỉnh quy định theo nguyên tắc hướng dẫn tại khoản 4, Điều này.

4. Tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên nhưng không bán ra, *mà đưa vào sản xuất, chế biến sản phẩm*; hoặc không thực hiện đầy đủ chế độ sổ sách kế toán, chứng từ kế toán theo chế độ quy định; Tổ chức, cá nhân nộp thuế tài nguyên theo phương pháp ấn định hoặc trường hợp loại tài nguyên xác định được sản lượng ở khâu khai thác nhưng do mô hình tổ chức, khai thác, sàng tuyển, tiêu thụ qua nhiều khâu độc lập nên không có đủ căn cứ để xác định giá bán tài nguyên khai thác thì áp dụng giá bán đơn vị tài nguyên do UBND cấp tỉnh tại địa phương có khai thác tài nguyên quy định cho từng thời kỳ để tính thuế tài nguyên.

Đối với nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên, nước thiên nhiên khai thác không có căn cứ xác định giá tính thuế đơn vị tài nguyên khai thác thì giá tính thuế đơn vị tài nguyên được áp dụng giá tính thuế do UBND cấp tỉnh quy định theo quy định tại khoản này.

Căn cứ đặc điểm, yêu cầu về xây dựng giá tính thuế tài nguyên tại địa phương, UBND cấp tỉnh có văn bản chỉ đạo, giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Cục Thuế, Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng phương án giá tính thuế tài nguyên trình UBND cấp tỉnh quyết định.

Việc xây dựng giá tính thuế tài nguyên phải đảm bảo phù hợp với hàm lượng, chất lượng, sản lượng của loại tài nguyên, tỷ lệ thu hồi tài nguyên, giá tài nguyên bán ra trên thị trường địa phương có tài nguyên khai thác và tham khảo thêm Bảng giá bán tài nguyên ~~trên thị trường~~ của địa phương ~~lân cận khác~~, cùng với các thông tin công bố về loại tài nguyên có khai thác để xây dựng mức giá phù hợp.

Khi giá bán của loại tài nguyên *trên thị trường* có biến động tăng hoặc giảm 20% trở lên thì phải điều chỉnh giá tính thuế tài nguyên. Sở Tài chính tỉnh, thành phố chủ trì phối hợp với Cục Thuế, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức khảo sát tình hình về giá bán tài nguyên trên thị trường địa phương và *đối chiếu, so sánh với giá tính thuế tài nguyên của UBND cấp tỉnh của địa phương khác*, để lập phương án điều chỉnh giá tính thuế trình UBND cấp tỉnh quyết định và báo cáo về Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế).

Cơ quan thuế trực tiếp quản lý thu thuế tài nguyên niêm yết công khai giá tính thuế đơn vị tài nguyên khai thác tại trụ sở cơ quan thuế và công bố trên trang tin điện tử của cơ quan thuế địa phương và trên trang tin điện tử của Tổng cục Thuế để các đơn vị, tổ chức, cá nhân tham khảo, đối chiếu phục vụ cho công tác quản lý thuế, ban hành giá tính thuế tài nguyên tại địa phương.

Cơ quan thuế, trong quá trình quản lý thuế, phát hiện giá tính thuế tài nguyên đối với một hoặc một số loại tài nguyên trên thị trường hoặc so sánh với Bảng giá tính thuế tài nguyên của địa phương khác mà có biến động tăng, giảm được ước lượng từ 20% trở lên thì Cục Thuế có văn bản báo cáo UBND cấp tỉnh để được chỉ đạo phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan để phân tích, xác định điều chỉnh giá tính thuế tài nguyên cho phù hợp.

Việc đối chiếu giá tính thuế của loại tài nguyên khi xây dựng phương án điều chỉnh giá tính thuế, so với giá tính thuế của tài nguyên cùng loại theo Bảng giá tính thuế tài nguyên của địa phương khác để phân tích so sánh về các thông tin chủ yếu của loại tài nguyên như: Hàm lượng tài nguyên; tỷ lệ thu hồi tài nguyên; điều kiện cơ sở hạ tầng khai thác, điều kiện tiêu thụ; giá tính thuế tài nguyên do UBND cấp tỉnh quy định cho kỳ trước liền kề.

9. Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 7. Thuế suất thuế tài nguyên

Thuế suất thuế tài nguyên làm căn cứ tính thuế tài nguyên đối với từng loại tài nguyên khai thác được quy định tại Biểu mức thuế suất thuế tài nguyên ban hành kèm theo Nghị quyết số 712/2013/UBTVQH13 ngày 16/12/2013 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Riêng việc áp dụng thuế suất thuế tài nguyên đối với nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên, nước thiên nhiên khai thác, sử dụng tại Mục V Biểu mức thuế suất thuế tài nguyên ban hành kèm theo Nghị quyết số 712/2013/UBTVQH13 trong một số trường hợp được xác định như sau:

- Nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên, nước thiên nhiên tinh lọc đóng chai, đóng hộp (kể cả đóng bình, đóng thùng có thể chiết ra thành chai, thành hộp) đều áp dụng cùng mức thuế suất thuế tài nguyên như loại được đóng chai, đóng hộp.

- Mức thuế suất thuế tài nguyên áp dụng đối với nước thiên nhiên khai thác dùng cho sản xuất thủy điện tại điểm 2, Mục V; nước thiên nhiên dùng cho sản xuất kinh doanh tại điểm 3, Mục V, có lẫn nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên, nhưng căn cứ hồ sơ thiết kế, quy trình công nghệ sản xuất, cung ứng dịch vụ được cơ quan thẩm quyền phê duyệt xác định không thuộc diện sản xuất sản phẩm nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên, nước thiên nhiên tinh lọc đóng chai,

đóng hợp thì áp dụng mức thuế suất thuế tài nguyên theo mục đích sử dụng tương ứng.”

10. Khoản 2, Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Trình tự, thủ tục kê khai miễn, giảm thuế tài nguyên, thẩm quyền miễn, giảm thuế tài nguyên được thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 3, Điều 46 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ.”

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm: Chỉ đạo các cơ quan Thuế, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Kho bạc nhà nước phối hợp với các cơ quan có liên quan phối hợp thực hiện quản lý thuế tài nguyên theo hướng dẫn tại Thông tư này;

2. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày ... tháng năm 2014, áp dụng tính thuế tài nguyên đối với sản lượng tài nguyên khai thác phát sinh từ tháng năm 2014 trở đi, thay thế các nội dung đã được sửa đổi của Thông tư số 105/2010/TT-BTC ngày 23/7/2010 của Bộ Tài chính.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để được nghiên cứu giải quyết kịp thời./

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc Hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng BCĐ phòng chống tham nhũng;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Công thông tin điện tử VPCP;
- UBND, Sở Tài chính, KBNN, Sở TN&MT, Cục Thuế các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Công báo;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Công thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, TCT (VT,CS).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Đỗ Hoàng Anh Tuấn